

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-PT
Ngày 22 - 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

Thẩm phán tham gia: Bà Phạm Thị Thông và ông Nguyễn Xuân Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Trung – là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLPT-HN-GĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ thôn 6, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 31/8/2018) – có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông- có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C; địa chỉ: Tòa nhà C, bán đảo L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Văn D – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng C phòng giao dịch huyện Đ – có đơn xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn Th; địa chỉ: thôn T1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có đơn xét xử vắng mặt.

Anh Trần Văn S và chị Vũ Thị Ch; địa chỉ: thôn T2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có đơn xét xử vắng mặt.

Chị Vũ Thị H; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

Chị Vũ Thị Nh; địa chỉ: thôn 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

Anh Vũ Hồng Ph; địa chỉ: thôn T2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Vũ Thị Th; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ – vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Vũ Văn H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/9/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/12/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị C trình bày:

Chị Trần Thị C và anh Vũ Văn H chung sống với nhau từ năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào ngày 14/01/2000. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian là xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu, đánh đập chị. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể nào chung sống với nhau được, nguyện vọng của chị xin được ly hôn.

Trong quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là: Vũ Thị Bích Đ, sinh ngày 29/8/2000; Vũ Thị Thu M, sinh ngày 29/8/2002; Vũ Minh T, sinh ngày 11/6/2006. Hiện nay cháu Đ và M đang ở với chị C, còn cháu T đang ở với anh H.

Tài sản chung của anh chị gồm có:

+ Thừa đất số 309 tờ bản đồ số 24, diện tích 430m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BH534991, cấp ngày 25/7/2014, đứng tên hộ anh Vũ Văn H và chị Trần Thị C, đất tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ. Tài sản trên đất 01 nhà gỗ chính diện tích 9,2m x 5,6m = 51,52m² kết cấu khung gỗ xẻ, mái lợp ngói, vách xây lửng gạch 4 lỗ cao 1,5m trên thưng ván, nền xi măng, 01 nhà tạm gắn liền nhà chính diện tích 6m x 3,7m = 22,2m² kết cấu mái lợp tôn, vách xây gạch 4 lỗ, giữa ngăn ván xẻ, 01 nhà bếp diện tích 2m x 6m = 12m² kết cấu xung quanh thưng ván và tôn kẽm cao 2m, 01 nhà kho diện tích 3,2 x 5,6m lợp tôn, vách không thưng, 01 nhà tắm, vệ sinh xây gạch 4 lỗ nền gạch men, ốp gạch men tường, cửa nhôm, 01 giếng nước sinh hoạt rộng 1,2m sâu 8m có nắp đáy bê tông, 01 hàng rào lưới b40 dài 8m.

+ Thừa đất số 133, tờ bản đồ số 24, diện tích 2100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 110112, cấp ngày 31/7/2008, đứng tên hộ anh Vũ Văn H và chị

Trần Thị C, đất tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ. Tài sản trên đất có 430 trụ tiêu, trong đó 240 trụ trồng năm 2015 và 190 trụ trồng năm 2016.

+ Thừa đất số 20, tờ bản đồ số 25, diện tích 10.815m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN110113, cấp ngày 31/7/2008, đứng tên hộ anh Vũ Văn H và chị Trần Thị C. Đất tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà rẫy tạm, diện tích 4m x 4.8m, tường xây gạch không tô cao 2.2m, cửa tạm bằng ván, nền xi măng, mái lợp tôn, làm từ năm 2007, vẫn đang sử dụng ổn định; 01 ao chứa nước có diện tích 10m x 25m, sâu 3.5m; 847 cây cà phê; 300 cây tiêu; 50 cây gòn trồng năm 2013 có tiêu; 08 cây muồng trồng năm 2000; 05 cây bơ trồng năm 2000.

+01 xe máy hãng honda RX, BKS 48F1 – 02013 mang tên Trần Thị C.

+ Sản lượng thu hoạch cà phê, tiêu vụ mùa năm 2016-2017 là 110.000.000 đồng (Đã trừ chi phí đầu tư và thu hoạch).

Tổng giá trị toàn bộ tài sản trên là 1.276.936.000 đồng (Theo Biên bản định giá ngày 08/02/2018).

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ 100.000.000 đồng; Ngân hàng C huyện Đ 30.000.000 đồng và lãi suất; chị Vũ Thị H 10.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Th 100 kg cà phê nhân xô, anh Trần Văn S và chị Vũ Thị Ch 01 chỉ vàng 9999.

Nay chị Trần Thị C đề nghị Tòa án giải quyết như sau;

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C xin được ly hôn với anh Vũ Văn H.

- Về con chung: Chị Trần Thị C xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/3 cháu.

- Về tài sản chung: Chị C yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi toàn bộ số tài sản nêu trên.

- Về nợ chung: Chị C yêu cầu Tòa án chia đôi các khoản nợ gồm: Ngân hàng C huyện Đ 30.000.000 đồng và lãi suất; chị Vũ Thị H 10.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Th 100 kg cà phê nhân xô, anh Trần Văn S và chị Vũ Thị Ch 01 chỉ vàng 9999.

Đối với các khoản nợ khác theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2016 hiện anh chị đã trả nên chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung như chị Trần Thị C đã trình bày ở trên là đúng. Tuy nhiên, anh H cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị C, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Vũ Văn H thừa nhận các tài sản chung sau:

+ Thửa đất số 309, tờ bản đồ số 24, diện tích 430m², tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ và toàn bộ tài sản trên đất.

+Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25, diện tích 10.815m², tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ và toàn bộ tài sản trên đất.

+01 xe máy hãng honda RX, BKS 48F1 – 02013 mang tên Trần Thị C

- Đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 24, diện tích 2100m² là tài sản riêng của mẹ anh cho vợ chồng mượn để đứng tên vay vốn ngân hàng chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng, nay anh đề nghị trả lại cho các anh chị của anh để làm hương hỏa thờ cúng bố mẹ.

Về nợ chung: Anh H thừa nhận các khoản nợ như chị C đã trình bày trên là đúng. Ngoài ra, anh chị còn nợ chị Vũ Thị Th 10.000.000 đồng; anh Tổng Văn L 1.000.000 đồng; anh Bùi Văn D 3.000.000 đồng; đại lý M 10.000.000 đồng. Hiện nay anh đã trả cho Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ 100.000.000 đồng; anh D 3.000.000 đồng; anh L 1.000.000 đồng; Đại lý M 10.000.000 đồng khi thu hoạch mùa năm 2017.

Anh Vũ Văn H không có ý kiến gì về kết của định giá theo biên bản định giá ngày 08/02/2018 của Hội đồng định giá.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C phòng giao dịch huyện Đ ông Đinh Văn D trình bày:

Ngày 23/3/2016, hộ anh Vũ Văn H, chị Trần Thị C có vay vốn của Ngân hàng C theo diện hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 04/3/2019. Nay anh chị ly hôn thì Ngân hàng C yêu cầu anh H, chị C phải trả toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất là 4.417.500đ tính đến ngày 03/8/2018 và tiếp tục phải chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Anh Nguyễn Văn Th trình bày: Vào khoảng năm 2016 anh H, chị C có vay của anh 100kg cà phê nhân xô đủ độ, do chỗ quen biết nên không lập giấy tờ gì. Số cà phê trên là tài sản riêng của anh Th, nay anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án buộc anh H, chị C phải trả cho anh số cà phê trên.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án NCQL&NVLQ anh Trần Văn S: Việc anh H chị C yêu cầu ly hôn anh không có ý kiến gì. Trong quá trình còn chung sống với nhau chị C và anh H có mượn của anh 1 chỉ vàng 9999, thời điểm vay anh chị không nhớ vì đã lâu, khi cho mượn hai bên không có thỏa thuận hay

lập giấy tờ gì vì anh H là em trai của chị Ch. Nay anh H và chị C ly hôn anh đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh H chị C trả 1 chỉ vàng 9999.

Chị Vũ Thị Ch và chị Vũ Thị H trình bày: Việc anh H chị C yêu cầu ly hôn các chị không có ý kiến gì. Trong quá trình còn chung sống anh H, chị C có mượn của chị Ch 1 chỉ vàng 9999; mượn của chị H số tiền 10.000.000 đồng; thời điểm vay các chị không nhớ vì đã lâu, khi cho mượn hai bên không có thỏa thuận hay lập giấy tờ gì vì anh H là em trai trong gia đình. Nay anh H, chị C ly hôn, chị Ch đề nghị anh H, chị C phải trả cho chị 01 chỉ vàng 9999; chị H đề nghị anh H, chị C phải trả cho chị số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với thửa đất số 133 tờ bản đồ 24 tọa lạc tại Thôn T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông được cấp GCNQSDĐ mang tên anh Vũ Văn H và chị Trần Thị C tại giai đoạn sơ thẩm chị Ch, chị H khai: trước đây là của mẹ chị Ch và chị H giao khoán cho vợ chồng Hưng, Cúc, sau này mẹ bán lại và sang tên cho anh H chị Trần Thị C với số tiền 40.000.000 đồng; việc chuyển nhượng là hoàn toàn tự nguyện, khi chuyển nhượng vợ chồng anh H, chị C còn nợ mẹ chị Ch ít tiền, tuy nhiên sau khi mẹ chết thì cả gia đình họp lại và thống nhất: vợ chồng anh H, chị C không phải trả cho mẹ nữa. Tại phiên tòa sơ thẩm chị Ch, chị Hoa thay đổi lời khai và cho rằng thửa đất trên là của cha mẹ, sau khi cha chết, mẹ chị cho anh H và chị C mượn và sang tên cho vợ chồng anh H để vay ngân hàng chứ không có việc mua bán, đề nghị anh H, chị C trả lại để dùng vào việc thờ cúng.

Anh Vũ Hồng Ph, chị Vũ Thị Nh đều thống nhất với ý kiến của chị Vũ Thị H và chị Vũ Thị Ch đã trình bày ở trên, không bổ sung gì thêm.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 20/2018/HNGĐ ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C được ly hôn với anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Bích Đ, sinh ngày 29/8/2000; cháu Vũ Thị Thu M, sinh ngày 29/8/2002 cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Vũ Minh T, sinh ngày 11/6/2006 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh H, chị C có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Trong trường hợp anh H, chị C lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H hoặc chị C.

Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung:

3.1 - Giao cho chị Trần Thị C được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 20 tờ bản 25, có diện tích 11.085 m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 110113 mang tên anh Vũ Văn H, chị Trần Thị C do UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp năm 2008, tọa lạc tại thôn T2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có tứ cận: phía đông giáp đất ông Nguyễn Văn Quang; phía tây giáp sinh cận; phía nam giáp sinh; phía bắc giáp đất bà Lê Thị T và tài sản trên đất gồm: 01 nhà rẫy tạm, diện tích 4m x 4.8m, tường xây gạch không tô cao 2.2m, cửa tạm bằng ván, nền xi măng, mái lợp tôn. 01 ao chứa nước có diện tích 10m x 25m, sâu 3.5m. 847 cây cà phê, 300 cây tiêu, 50 cây gòn trồng năm 2013 có tiêu, 08 cây muồng trồng năm 2000. 05 cây bơ trồng năm 2000. Giá trị tài sản là 791.456.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi một triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

3.2/ Giao cho chị Trần Thị C 01 xe máy hãng Hon da RX biển kiểm soát 48F1-02013 giá trị tài sản là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

3.3/ Giao cho anh Vũ Văn H được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 24 có diện tích 5617,4 m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 110112 mang tên anh Vũ Văn H, chị Trần Thị C do UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp năm 2008 tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có tứ cận: phía đông giáp anh Trần Văn C; phía tây giáp anh Ng; phía nam giáp đường đất; phía bắc giáp anh Ng và toàn bộ tài sản trên đất và toàn bộ tài sản trên đất gồm;

- 430 cây tiêu trong đó 240 cây tiêu trồng năm 2015; 240 cây gòn trồng năm 2015 có tiêu leo; 190 cây tiêu trồng năm 2016; 190 trụ gỗ tạm có tiêu leo. Giá trị là 285.780.000 đồng.

3.4/ Giao cho anh Vũ Văn H được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 309, tờ bản đồ số 24 có diện tích 610m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH534991 mang tên anh Vũ Văn H, chị Trần Thị C do UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp năm 2014, tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có tứ cận: phía đông giáp đường dài 10m; phía tây, nam giáp đất anh L và anh Đ dài 13,5m; phía nam giáp đất anh Th dài 47m; phía bắc giáp đất anh Đ dài 57m và toàn bộ tài sản trên đất và toàn bộ tài sản trên đất gồm;

01 nhà gỗ chính diện tích 9,2m x 5,6m = 51,52m² kết cấu khung gỗ xe, mái lợp ngói, vách xây lững gạch 4 lỗ cao 1,5m trên thưng ván, nền xi măng, 01 nhà tạm gắn liền nhà chính diện tích 6m x 3,7m = 22,2m² kết cấu mái lợp tôn, vách xây gạch 4 lỗ, giữa ngăn ván xê, 01 nhà bếp diện tích 2m x 6m = 12m² kết cấu xung quanh thưng ván và tôn kẽm cao 2m, 01 nhà kho diện tích 3,2 x 5,6m lợp tôn, vách không thưng; 01 nhà tắm, vệ sinh xây gạch 4 lỗ nền gạch men, ốp gạch men tường,

cửa nhôm; 01 giếng nước sinh hoạt rộng 1,2m sâu 8m có nắp đáy bê tông; 01 hàng rào lưới b40 dài 8m. Giá trị tài sản là 199.700.000đồng (một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)

3.5/ Chị Trần Thị C phải trả lại cho anh Vũ Văn H giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia 130.779.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Do diện tích thực tế sử dụng nhiều hơn diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị Trần Thị C và anh Vũ Văn H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục điều chỉnh để được đứng tên sử dụng đối với các lô đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung:

- Buộc anh Vũ Văn H phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn S và chị Vũ Thị Ch 01 chỉ vàng 9999.

- Buộc chị Trần Thị C phải có nghĩa vụ trả các khoản nợ:

+ Trả cho Ngân hàng C số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất là 4.417.500đồng(tính đến ngày xét xử 03/8/2018). Tổng cộng là 34.417.500 đồng, chị C tiếp tục chịu lãi suất tiếp theo trên số lãi gốc còn lại chưa trả theo hợp đồng đã ký kết.

+ Trả cho chị Vũ Thị H 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

+ Trả cho anh Nguyễn Văn Th 100 kg cà phê nhân xô đủ độ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2018, bị đơn anh Vũ Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản chung, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C về phân chia thửa đất số 133, tờ bản đồ số 24, diện tích thực tế 5.617,4 m² và căn nhà gỗ 03 gian trên đất, vì đây là tài sản do cha mẹ anh để lại thuộc về di sản thừa kế của anh chị em trong gia đình. Chia lại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25, diện tích 11.085m², căn cứ vào nguồn gốc tài sản, công sức đóng góp và lỗi của chị C, nên chị C chỉ được hưởng 30% giá trị tài sản.

Cùng ngày 15/8/2018, chị Vũ Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản chung, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C về phân chia thửa đất số 133, tờ bản đồ số 24, diện tích thực tế 5.617,4 m² và căn nhà gỗ 03 gian trên đất, vì đây là tài sản do cha mẹ chị để lại thuộc về di sản thừa kế của anh chị em trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

- Đơn kháng cáo của anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị H làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ cụ thể: Chưa làm rõ tại thời điểm ông Vũ Xuân L chết có để lại di chúc hay không, ai là người được hưởng thừa kế di sản của ông L. Năm 2008, bà Th tặng cho anh H, chị C thửa đất số 133 có được sự đồng ý của các đồng thừa kế hay không. Không đưa bà Th1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Đối với chị Vũ Thị Th, Tòa án cấp sơ thẩm đưa chị Th vào tham gia tố tụng nhưng không ghi tên chị Th vào bản án. Chị C yêu cầu chia sản lượng thu hoạch cà phê, tiêu năm 2016-2017 và cung cấp chứng cứ là bản phô tô nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét giải quyết là vi phạm thủ tục tố tụng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Văn H, chị Vũ Thị H, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/HNGĐ ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ về phần chia tài sản chung, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị H, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và bỏ sót người tham gia tố tụng cụ thể: Anh H cho rằng thửa đất số 133 và tài sản trên đất là tài sản của cha mẹ anh để lại, thời điểm mẹ anh còn sống cho vợ chồng anh nhận khoán, sau đó do hoàn cảnh khó khăn, mẹ anh đã cho vợ chồng anh đứng tên giấy chứng nhận để làm thủ tục vay vốn Ngân hàng, nên bà đã làm hợp đồng tặng cho vợ chồng anh. Tại phiên tòa sơ thẩm anh Ph, chị H, chị Ch và chị Nh đều xác định thửa đất 133 là tài sản của cha mẹ để lại, việc bà Th làm hợp đồng tặng cho vợ chồng anh H thì anh chị em trong gia đình không biết. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ tại thời điểm ông L chết có để lại di chúc hay không, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L đã khởi kiện phân chia di sản thừa kế và có ai từ chối nhận di sản thừa kế hay không, đồng thời phải xem xét đến hợp đồng tặng cho giữa ông L, bà Th với anh H, chị C đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về thừa kế tài sản hay không, mới có căn cứ giải quyết vụ án đảm bảo đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác định thửa đất số 133 là tài sản chung của vợ chồng anh H để

phân chia theo quy định là có phần thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình. Cấp sơ thẩm không đưa chị Vũ Thị Th1 (chị gái anh H) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan, còn chị Vũ Thị Th đã tham gia tố tụng (có bản tự khai trong hồ sơ) nhưng trong bản án không ghi tên chị Th vào bản án là thiếu sót.

[2]. Đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25, diện tích 11.085m², quá trình giải quyết các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc do cha mẹ anh H cho, nhưng khi phân chia cấp sơ thẩm không căn cứ vào nguồn gốc tài sản mà chia đôi giá trị tài sản là có phần chưa hợp lý, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H.

[3]. Đối với khoản nợ của chị Vũ Thị H 10.000.000 đồng, anh Trần Văn S, chị Vũ Thị Ch 01 chỉ vàng 9999, quá trình giải quyết chị H và anh S, chị Th không có đơn yêu cầu độc lập và nộp tiền tạm ứng án phí nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn buộc anh H, chị C phải có nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 201, Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Ngày 07/12/2016, chị C có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu phân chi sản lượng cà phê, tiêu năm 2016, chứng cứ chị C cung cấp đều là bản phô tô không có công chứng chứng thực nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu chị C cung cấp bản chính mà vẫn làm căn cứ để giải quyết là vi phạm khoản 1 Điều 95, Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Tại phiên toà sơ thẩm chị C đã rút một số khoản nợ do trong quá trình giải quyết anh chị đã trả, nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết (BL 203). Tuy nhiên, phần quyết định của bản án Hội đồng xét xử không tuyên đình chỉ xét xử đối với các khoản nợ chị C đã rút là thiếu sót.

[6]. Do những vi phạm và thiếu sót trên của cấp sơ thẩm, tại phiên toà phúc thẩm Hội đồng xét xử không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị H, hủy một phần bản án sơ thẩm số 20/2018/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ về phân chia tài sản chung, nợ chung và án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị H mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị H. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 20/2018/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2018 của

Tòa án nhân dân huyện Đ về phân chia tài sản chung, nợ chung và án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Vũ Văn H và chị Vũ Thị H mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0004374 và biên lai số 0004375 ngày 21/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Đức Thọ